CÔNG TY CỔ PHẦN LUYÊN KIM PHÚ THINH

Địa chỉ: 74F3 Khu ĐTM Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH

QUÝ: III NĂM 2012

Gồm các biểu:

1. Bảng Cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2012 (Từ ngày 01/07/2012 đến 30/09/2012)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**128.183.119.676**	**103.981.335.883**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	VI.I	**5.750.686.280**	**3.779.715.336**
1 Tiền	111		5.750.686.280	3.779.715.336
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**118.983.369.085**	**99.363.461.842**
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	95.178.380.252	52.545.973.009
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn (tạm ứng)	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	23.804.988.833	46.817.488.833
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5		-
IV. Hàng tồn kho	**140**		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.449.064.311**	**838.158.705**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.4	-	-
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		109.064.311	838.158.705
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	VI.5	-	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.6	3.340.000.000	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**262.281.614.730**	**156.288.871.322**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**4.781.614.730**	**4.788.871.322**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	8.014.730	15.271.322
Nguyên giá	*222*		*35.126.364*	*35.126.364*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(27.111.634)*	*(19.855.042)*
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.8	4.773.600.000	4.773.600.000
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**257.500.000.000**	**151.500.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.9	237.500.000.000	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.10	-	131.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.28	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**390.464.734.406**	**260.270.207.205**

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2012 (Từ ngày 01/07/2012 đến 30/09/2012)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**157.639.884.516**	92.941.242.542
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**157.639.884.516**	92.941.242.542
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.10	-	-
1. Phải trả người bán	312	VI.12	150.626.727.178	89.156.835.005
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.13	5.933.060.872	3.784.407.537
4. Phải trả người lao động	315	VI.13	-	-
5. Chi phí phải trả	316	VI.14	-	-
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.080.096.466	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**232.824.849.890**	167.328.964.663
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**VI.14**	**232.824.849.890**	167.328.964.663
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		216.000.000.000	156.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.132.896.466	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		566.448.233	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.125.505.191	11.328.964.663
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**390.464.734.406**	260.270.207.205

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công vật tư			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược			

Hà Nội , ngày 30 tháng 09 năm 2012

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
TRẦN THỊ THU HOÀI	THÁI BÁ HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH
Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III năm 2012 (Từ ngày 01/07/2012 đến 30/09/2012)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III năm 2012

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		29.184.042.439	67.880.315.937	97.334.474.149	139.687.695.917
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-		
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	29.184.042.439	67.880.315.937	97.334.474.149	139.687.695.917
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	27.311.580.728	67.846.802.387	91.371.555.136	151.617.276.273
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.872.461.711	33.513.550	5.962.919.013	(11.929.580.356)
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	890.367	20.302	3.839.326.351	54.305
7 Chi phí tài chính	22		-		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-		-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.4	386.819.317	159.793.411	950.684.765	506.475.194
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.486.532.761	(126.259.559)	8.851.560.599	(12.436.001.245)
11 Thu nhập khác	31		-			
12 Chi phí khác	32	VII.5	806.250		2.453.172	
13 Lợi nhuận khác	40		(806.250)	-	(2.453.172)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH
Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III năm 2012 (Từ ngày 01/07/2012 đến 30/09/2012)

14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**	**1.485.726.511**	**(126.259.559)**	**8.849.107.427**	**(12.436.001.245)**
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**51**	**368.748.669**		**2.209.593.898**	
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**52**	-			
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**	**1.116.977.842**	**(126.259.559)**	**6.639.513.529**	**(12.436.001.245)**

Hà Nội , ngày 30 tháng 09 năm 2012

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ THU HOÀI

Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0102739992 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

THÁI BÁ HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH
Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III năm 2012 (Từ ngày 01/07/2012 đến 30/09/2012)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
QUÝ III NĂM 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		41.090.158.516	19.500.054.305
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(38.294.573.622)	(4.524.651.000)
- Tiền chi trả cho người lao động	3		(859.858.000)	(403.620.000)
- Tiền chi trả lãi vay	4		-	-
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		-	(14.453.184)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		200.000.000	45.300.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(165.646.317)	(709.115.996)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***1.970.080.577***	***59.148.214.125***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(10.726.364)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(51.500.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		890.367	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***890.367***	***(51.510.726.364)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ SH	31		-	
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32		-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	***50***		***1.970.970.944***	***7.637.487.761***
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	***60***		***3.779.715.336***	***9.474.230.645***
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	***70***	*V.1*	***5.750.686.280***	***17.111.718.406***

Hà Nội , ngày 30 tháng 09 năm 2012

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
TRẦN THỊ THU HOÀI	THÁI BÁ HIỂN

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2012

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý III năm 2012 của Công ty Cổ Phần Luyện Kim Phú Thịnh (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Kinh doanh bất động sản bao gồm: Đầu tư, xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung, tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô.
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi và công nghiệp.
- Lập các dự án và đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình).
- Mua bán khoáng sản, các thiết bị máy móc khai khoáng, chế biến khoáng sản và luyện kim.
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính Quý III năm 2012 thuộc năm tài chính thứ 05 (năm) của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở thời điểm hiện tại.

Phương pháp hạch toán: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm khấu hao
Máy móc thiết bị	04
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

6. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao quyền sở hữu, xuất hóa đơn giá trị gia tăng và khách hàng đồng ý thanh toán.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

10. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.6

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	*5.742.325.417*	*3.776.717.339*
Tiền mặt VNĐ	5.742.325.417	3.776.717.339
(b) Tiền gửi ngân hàng	*8.360.863*	*2.997.997*
Tiền VNĐ	8.360.863	2.997.997
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	**5.750.686.280**	**3.779.715.336**

2. Phải thu của khách hàng

Cộng	*95.178.380.252*	52.545.973.009

3. Các khoản phải thu khác

Cộng	**23.804.988.833**	**46.817.488.833**

4. Hàng tồn kho

5. Tài sản ngắn hạn khác

Cộng	**3.340.0000.000**	

6. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	**24.400.000**	-	10.726.364	35.126.364
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ				-
4. Số cuối kỳ	***24.400.000***	-	***10.726.364***	***35.126.364***
II. Hao mòn lũy kế				
1. Số đầu năm	**17.312.493**	-	**2.542.549**	**19.855.042**
2. Tăng trong kỳ	4.574.997		2.681.595	7.256.592
3. Giảm trong kỳ				-
4. Số cuối kỳ	***21.887.490***	-	***5.224.144***	***27.111.634***
III. Giá trị còn lại				
1. Số đầu năm	**7.087.507**	-	**8.183.815**	15.271.322
2. Số cuối kỳ	***2.512.510***	-	***5.502.220***	***8.014.730***

Nguyên giá Tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng: không có

Giá trị còn lại của Tài sản cố định mang đi cầm cố thế chấp các khoản vay: không có

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí đường bê tông dự án Mỏ Eo Dòng	4.773.600.000	4.773.600.000
Cộng	**4.773.600.000**	**4.773.600.000**

8. Đầu tư vào Công ty con

Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện Kim Thăng Long Nghệ An (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	**20.000.000.000**	**20.000.000.000**

Ghi chú (*): Tỷ lệ góp vốn là 100 %.

9. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

(a) Công ty CP Chì Kẽm Yên Bái	167.500.000.000	-
(b) Công ty TNHH MTV XNK Yên Bái Lào Cai	70.000.000.000	-
Cộng	**237.500.000.000**	-

10. Đầu tư dài hạn khác

Tiền cho Ông Lê Văn Cương vay (*)	-	131.500.000.000
Cộng	-	**131.500.000.000**

11. Phải trả cho người bán

Cộng	**150.626.727.178**	**89.156.835.005**

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.779.418.704	2.209.593.898	60.940.563	5.928.072.039
Thuế thu nhập cá nhân	4.988.833	-	-	4.988.833
Các loại thuế khác	-			
- Thuế môn bài	-	-	-	-
Cộng	**3.784.407.537**	**2.209.593.898**	**60.940.563**	***5.933.060.872***

- ***Thuế giá trị gia tăng***
  - Công ty áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.
  - Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ.
  - Thuế suất 10%: Hàng bán trong nước.
- ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***
  (Xem thuyết minh số V.7).
- ***Các loại thuế khác***
  Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại hình khác nhau, có thể được giải thích nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm	156.000.000.000	-	-	11.328.964.663	167.328.964.663
Tăng vốn trong kỳ	60.000.000.000	-	-	-	60.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	6.639.513.529	6.639.513.529
Trích lập các quỹ	-	1.132.896.466	566.448.233	(2.842.973.001)	(1.143.628.302)
Số dư cuối kỳ	***216.000.000.000***	***1.132.896.466***	***566.448.233***	***15.125.505.191***	***232.824.849.890***

Cơ cấu góp vốn của đơn vị:

STT	Thành viên	Số thực góp đến 30/09/2012		Số thực góp đến 01/01/2012	
		Giá trị góp vốn	Tỷ lệ góp vốn (%)	Giá trị góp vốn	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	10.000.000.000	4,63%	-	0,00%
2	Ông Vũ Văn Hải	10.000.000.000	4,63%	-	0,00%
3	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	10.000.000.000	4,63%	-	0,00%
4	Bà Lê Thị Oanh	10.000.000.000	4,63%	-	0,00%
5	Bà Vũ Thị Thu	10.000.000.000	4,63%	-	0,00%
6	Bà Nguyễn Thị Hoa	5.000.000.000	2,32%	124.800.000.000	80,00%
7	Ông Ngô Văn Hiến	10.000.000	0,01%	7.800.000.000	5,00%
8	Nhà đầu tư khác	160.990.000.000	74,53%	23.400.000.000	15,00%
	Cộng	**216.000.000.000**	**100,00%**	**156.000.000.000**	**100,00%**

Cổ phiếu

	09 tháng đầu năm nay
- Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành:	21.600.000
- Số lượng Cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông:	*21.600.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi:	-
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành:	21.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông:	*21.600.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi:	-
Mệnh giá Cổ phiếu đang lưu hành (VND):	*10.000*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang		11.328.964.663
Lợi nhuận chưa phân phối phát sinh kỳ này	6.628.781.693	
Lợi nhuận chưa phân phối luỹ kế	17.957.746.356	
Phân phối lợi nhuận năm 2011	2.832.241.165	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	*1.132.896.466*	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	*1.132.896.466*	
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	*566.448.233*	
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang kỳ sau	**15.125.505.191**	

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý này năm 2012	Quý này năm 2011
Doanh thu bán hàng	29.184.042.439	67.880.315.937
Cộng	**29.184.042.439**	**67.880.315.937**

2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán	27.311.580.728	67.846.802.387
Cộng	**27.311.580.728**	**67.846.802.387**

3. Doanh thu tài chính

– Lãi tiền gửi ngân hàng	890.367	20.302
– Lãi tiền cho vay		
Cộng	**890.367**	**20.302**

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý này năm 2012	Quý này năm 2011
- Chi phí nhân viên quản lý	221.173.000	145.680.000
- Chi phí khấu hao	1.612.614	893.865
- Thuế, phí, lệ phí		
- Chi phí bằng tiền khác	164.033.703	13.219.546
Cộng	**386.819.317**	**159.793.411**

5. Chi phí khác

- Chi phí khác	806.250	
Cộng	**806.250**	

6. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.485.726.511	(126.259.559)
- Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế		
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế		
- Tổng thu nhập chịu thuế	1.485.726.511	
- Thuế suất thuế TNDN phải nộp	25%	
- **Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	**371.431.628**	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh hoạt động kinh doanh tại Thành phố Hà Nội. Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Và Luyện Kim Thăng Long - Nghệ An (công ty con) hoạt động kinh doanh tại Tỉnh Nghệ An.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	9 tháng đầu năm 2012
Tại Thành phố Hà Nội	97.334.474.149
Tại Tỉnh Nghệ An	-
Cộng	**97.334.474.149**

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính	**362.234.055.365**	**234.643.177.178**	**362.234.055.365**	**234.643.177.178**
Tiền và các khoản tương dương tiền	5.750.686.280	3.779.715.336	5.750.686.280	3.779.715.336
Phải thu khách hàng	95.178.380.252	52.545.973.009	95.178.380.252	52.545.973.009
Các khoản phải thu khác	23.804.988.833	46.817.488.833	23.804.988.833	46.817.488.833
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	237.500.000.000	-	237.500.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	-	131.500.000.000	-	131.500.000.000
Cộng	**362.234.055.365**	**234.643.177.178**	**362.234.055.365**	**234.643.177.178**
Nợ phải trả tài chính	**150.626.727.178**	**89.156.835.005**	**150.626.727.178**	**89.156.835.005**
Phải trả cho người bán	150.626.727.178	89.156.835.005	150.626.727.178	89.156.835.005
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	**150.626.727.178**	**89.156.835.005**	**150.626.727.178**	**89.156.835.005**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam. Các ngân hàng này đều là các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm/kỳ				
- Phải trả cho người bán	150.626.727.178	-	-	150.626.727.178
- Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	**150.626.727.178**	**-**	**-**	**150.626.727.178**
Số đầu năm				
- Phải trả cho người bán	89.156.835.005	-	-	89.156.835.005
- Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	**89.156.835.005**	**-**	**-**	**89.156.835.005**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Thông tin so sánh

- Số liệu đầu kỳ được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

- Kết quả Lợi nhuận sau thuế Quý 3 năm 2012 so với Quý 3 năm 2011

So sánh kết quả kinh doanh Quý 3 năm 2012 với Quý 3 năm 2011 thấy: kết quả lợi nhuận sau thuế Quý 3 năm 2012 lãi: 1.116.977.842đ so với Quý 3 năm 2011 lỗ: -126.259.559đ vì những nguyên nhân sau:

Công ty đã áp dụng chính sách chuyển dịch cơ cấu hàng bán, Đồng thời Lãnh đạo Công ty và Hội đồng quản trị ra chiến lược cải tiến phương pháp kinh doanh, đẩy mạnh công cuộc đầu tư hơn nữa nhằm tạo chỗ đứng ổn định trên thị trường.

Chính vì vậy mà Quý 3 năm 2012 đã có những bước tiến cao hơn về lợi nhuận so với Quý 3 năm 2011

6. Nghiệp vụ các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Nguyễn Thị Hoa	Cổ đông
Bà Trịnh Thị Hòa	Cổ đông
Ông Ngô Văn Hiến	Cổ đông
Ông Nguyễn Văn Dũng	Cổ đông

Ông Vũ Văn Hải	Cổ đông
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Cổ đông
Bà Lê Thị Oanh	Cổ đông
Bà Vũ Thị Thu	Cổ đông
Nhà đầu tư khác	Cổ đông

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan chi tiết như sau:

Bên liên quan	Vốn góp ngày 01/01/2012	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ (*)	Vốn góp ngày 30/09/2012
Ông Nguyễn Thị Hoa	124.800.000.000	48.000.000.000	167.800.000.000	5.000.000.000
Bà Trịnh Thị Hòa	23.400.000.000	9.000.000.000	32.400.000.000	0
Ông Ngô Văn Hiến	7.800.000.000	3.000.000.000	10.790.000.000	10.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Ông Vũ Văn Hải	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Bà Lê Thị Oanh	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Bà Vũ Thị Thu	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Nhà đầu tư khác	-	160.990.000.000	-	160.990.000.000
Cộng	***156.000.000.000***	***270.990.000.000***	***210.990.000.000***	***216.000.000.000***

(*)Giảm trong kỳ là các cổ đông cũ chuyển nhượng vốn cho các cổ đông mới

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2012

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
TRẦN THỊ THU HOÀI	THÁI BÁ HIỀN

M.S.D.N: 0102739992 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH Q. HOÀNG MAI TP. HÀ NỘI